TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/01/2018.
"V/v Ly hôn giữa chị T và anh T1"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K,TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà H1 Thị Quế.

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Tố Uyên là Thư ký Toà án nhân dân huyện K.

Trong ngày 23/01/2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2017 về tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.
- Bị đơn: Anh Trần Trọng T1, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Chị T có mặt, anh T1 lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:*

Chị và anh T1 qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn *(ĐKKH)* tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 12/7/2002. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều bất đồng và mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 hay uống rượu, bia nên mỗi lần đi uống về thường xuyên xảy ra tranh cãi và đánh

đập chị. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân căng thẳng không có hạnh phúc. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Trần Mạnh H, sinh ngày 08/02/2003 và Trần Quốc H1, sinh ngày 10/9/2006. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Quốc H1 và giao con Trần Mạnh H cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 06/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Trọng T1 trình bày:*

Anh chị qua thời gian qua quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 12/7/2002. Anh thừa nhận là quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh một số mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng cũng có lúc này lúc khác, anh cũng có lúc say nhưng lúc say anh không làm chủ được bản thân. Anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Mạnh H, sinh ngày 08/02/2003 và Trần Quốc H1, sinh ngày 10/9/2006. Anh không đồng ý ly hôn với chị T, nhưng nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý với yêu cầu của chị T về con chung là anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H và giao cháu H1 cho chị T nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận với nhau nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Kim T trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng T1 vì mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa mở vào ngày 10/01/2018 và tại phiên tòa hôm nay, anh T1 đều vắng mặt không có lý do nên không trình bày được quan điểm của mình. Vì vậy, HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh T1.

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 trích lục kết hôn mang tên Nguyễn Kim T và Trần Trọng T1 *(bản sao)*; 02 Giấy CMND mang tên Nguyễn Kim T và Trần Trọng T1 *(bản sao)*; 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Kim T *(bản sao)*; 02 giấy khai sinh mang tên Trần Quốc H1 và Trần Mạnh H *(bản sao)*.

**Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:* Chị T và anh T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND thị trấn K vào ngày 12/7/2002; anh chị có 02 con chung là Trần Quốc H1 và Trần Mạnh H. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị T giao nộp là 01 trích lục kết hôn mang tên Nguyễn Kim T và Trần Trọng T1 *(bản sao)* và 02 giấy khai sinh mang tên Trần Quốc H1 và Trần Mạnh H *(bản sao)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2002 tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống. Chị T trình bày do anh T1 hay uống rượu, bia nên mỗi lần đi uống về vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi và anh đã đánh đập chị. Anh T1 cũng thừa nhận là cuộc sống vợ chồng cũng có lúc này lúc khác, anh cũng có lúc say nhưng lúc đó anh không làm chủ được bản thân nên đã có hành động không đúng với chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hai phiên hòa giải để anh chị hàn gắn gia đình nhưng việc hòa giải vẫn không thành do chị T cương quyết xin ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Mạnh H, sinh ngày 08/02/2003 và Trần Quốc H1, sinh ngày 10/9/2006. Tại các phiên hòa giải, chị T và anh T1 tự nguyện thỏa thuận với nhau là sau khi ly hôn giao cháu H1 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tuy nhiên, trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu H1 và cháu H, cả hai cháu đều có nguyện vọng được chị T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị T và anh T1

ly hôn. Sau khi xem xét thỏa thuận của các đương sự, nguyện vọng của các con và điều kiện kinh tế của cả hai bên đương sự, HĐXX thấy rằng, giao cho chị T và anh T1 mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp với điều kiện kinh tế của các đương sự và đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu tốt hơn. Xét thỏa thuận của chị T và anh T1 là tự nguyện, phù hợp và đúng pháp luật nên được HĐXX công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do hai đương sự tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ năm 2014;

- Căn cứ các Điều 144, 147, 227, 228 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/216/UBTVQH 14 ngày 30/12/216 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T, xử cho chị T được ly hôn với anh Trần Trọng T1.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Mạnh H, sinh ngày 08/02/2003 cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và giao con chung Trần Quốc H1, sinh ngày 10/9/2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí LH-ST: Chị T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0007161 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, chị T đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với anh T1 vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện K;
-THADS K;
-Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
-TA tỉnh;
TÒA
-VKS K;
-THA K;
-Các đương sự;
-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Văn Nguyên